TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 16 - 3- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; bà Nguyễn Thị Hà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn T; sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị D; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Ngô Văn T và chị Bùi Thị D (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Ngô Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống được một thời gian hòa thuận, hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân

không thể kéo dài được. Anh T và chị D sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Ngô Thanh X, sinh ngày: 16/9/2015. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu là 2.000.000 đồng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/02/2023 chị Bùi Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống được một thời gian hòa thuận, hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được. Chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, xét thấy tình cảm không còn nữa, anh T có làm đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Chị D xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Ngô Thanh X, sinh ngày: 16/9/2015. Sau khi ly hôn, chị D đồng ý với ý kiến của anh T. Chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu là 2.000.000 đồng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; Điều 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Bùi Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Ngô Thanh X, sinh ngày: 16/9/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu là 2.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Bùi Thị D. Chị D cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T và chị D đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị D.

[2] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[3] Về hôn nhân: Anh Ngô Văn T và chị Bùi Thị D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T và chị D đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều đó chứng tỏ anh T và chị D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Bùi Thị D.

[4] Về con chung: Anh Ngô Văn T và chị Bùi Thị D có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Ngô Thanh X, sinh ngày: 16/9/2015. Anh T và chị D đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T1 và cháu X có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng. Do

đó chấp nhận yêu cầu của anh T và chị D, sau khi ly hôn giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nguyện vọng cấp dưỡng cùng chị D mỗi cháu mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng). Chị D cũng đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi cháu mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[6] Về tài sản: Anh T và chị D1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Bùi Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Ngô Thanh X, sinh ngày: 16/9/2015 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (Hai cháu là 2.000.000 đồng/ tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh Ngô Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007851 ngày 01/11/2022. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Ngô Văn T và chị Bùi Thị D. Anh T và chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Tượng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải